

- 2.2. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát
  - 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
  - 2.4. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - 2.5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Trưởng ban Kiểm soát vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

### **Điều 51. Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn sau đây:
  - 1.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;
  - 1.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
  - 1.3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
    - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
    - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - 2.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm ban kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 của điều lệ này
  - 2.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - 2.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - 2.4. Các trường hợp khác do điều lệ công ty quy định.
3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - 3.1. Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công
  - 3.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - 3.3 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

4. Kiểm soát viên có các quyền sau đây.

4.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

4.3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4.4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

4.5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên soát hoặc Ban kiểm soát.

4.6 Được nhận thù lao cho công việc mà họ thực hiện với tư cách là Kiểm soát viên; và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4.7. Được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi hợp lý khác liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của của Kiểm soát viên;

4.8 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

5. Kiểm soát viên có các trách nhiệm sau đây:

5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

5.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

5.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **E. Nghĩa vụ và quyền lợi của người quản lý Công ty**

#### **Điều 52. Nghĩa vụ của người quản lý**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Không được đem tài sản của Công ty chuyển nhượng, tặng, cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc/và theo các quy định hiện hành của Công ty.
- e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại Công ty.

2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
- b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của Công ty, kể cả cho người quản lý;
- c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
- d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ, hành

động, quyết định, ý kiến hoặc sai sót nào của một thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý của Công ty (dù là được quy định trong Điều lệ này) vì lý do người đó là do cổ đông đó chỉ định hoặc người đó là người liên quan của cổ đông đó.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**Điều 54. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến sự mâu thuẫn về lợi ích phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến sự mâu thuẫn về lợi ích giữa Công ty và các cổ đông quan trọng trong công ty bao gồm các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng sau:

1.1 Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty;

1.2 Những người có liên quan của các đối tượng tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này;

1.3 Doanh nghiệp do những đối tượng tại điểm 1.1 và 1.2 khoản 1 Điều này có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần.

2. Quy định về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này như sau:

2.1 Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cổ đông liên quan hoặc cổ đông có người liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

2.2 Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký.

Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời gian mười lăm ngày kể từ ngày niêm yết thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 của Điều này. Giám đốc Công ty và những người có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **CHƯƠNG IV**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN, TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC**

#### **Điều 55 Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo**

##### **1. Công khai thông tin tài chính**

Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý tự lập (trong trường hợp Công ty là công ty đại chúng quy mô lớn hoặc công ty niêm yết) đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau:

+ Điều lệ công ty

+ Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và Giám đốc

+ Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý tự lập (trong trường hợp Công ty là công ty đại chúng quy mô lớn hoặc công ty niêm yết)

## 2. Báo cáo hằng năm

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;

d. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất sáu tháng có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

+ Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

## **Điều 56. Chế độ lưu giữ tài liệu**

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

1.1. Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quy chế quản lý nội bộ; sổ đăng ký cổ đông;

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác được các cơ quan có thẩm quyền cấp;

- 1.3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty
- 1.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua;
- 1.5. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- 1.6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- 1.7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và các cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 57. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 58. Hệ thống kế toán và báo cáo tài chính**

1. Hệ thống kế toán mà Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài Chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
4. Tài khoản ngân hàng.
  - 4.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
  - 4.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
  - 4.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

5. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước theo quy định.

6. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

### **Điều 59. Kiểm toán và kiểm tra Công ty**

#### **1. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập thuộc Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

1.1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật để tiến hành các hoạt động kiểm toán theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận giữa công ty kiểm toán đó và Hội đồng quản trị.

1.2. Công ty kiểm toán độc lập được chỉ định sẽ kiểm tra, xác định và trên cơ sở báo cáo tài chính năm của Công ty, báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Bản sao của Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty



## 2. Quyền thẩm tra cuối cùng

Công ty chịu sự thẩm tra cuối cùng trước pháp luật. Sự thẩm tra này bao gồm việc thẩm tra các báo cáo và quyết toán tài chính hàng năm, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty. Việc thẩm tra này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **Điều 60. Phân phối lợi nhuận**

### 1. Việc trích lập các quỹ

#### 1.1. Các quỹ của Công ty gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành;
- Các quỹ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước

1.2. Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng quản trị.

### 2. Trả cổ tức:

2.1. Theo quy định và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lãi ròng của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham vấn các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

2.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc, lệnh trả tiền chuyển qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, chuyển khoản ngân hàng và các hình thức khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp

mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.4. Trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể tuyên bố việc chi trả cổ tức bằng các cổ phần phổ thông phát hành mới hay cổ phiếu quỹ của Công ty để phục vụ cho mục đích đầu tư và phát triển của Công ty.

2.5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức.

### **Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ sẽ được quy định tại các quy chế nội bộ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và của các cán bộ quản lý, kể cả đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Tất cả các bên phải nỗ lực giải quyết mâu thuẫn bằng đàm phán, hòa giải theo các quy chế nội bộ. Các thủ tục giải quyết tranh chấp do Công ty quy định phải được áp dụng trước khi yêu cầu trọng tài hoặc tòa án giải quyết.
3. Chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nội bộ theo thủ tục mà Công ty quy định trong quy chế nội bộ sẽ do Công ty chịu.
4. Chi phí giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty theo thủ tục tòa án và trọng tài sẽ do bên thua trong vụ việc đó chịu.

### **Điều 62. Công nhân viên và Công đoàn**

Theo quy định của pháp luật và với sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải ban hành quy định liên quan đến tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, xử phạt đối với các nhân viên của Công ty cũng như những vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn.

## CHƯƠNG V

### GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

#### **Điều 63. Giải thể công ty**

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;

1.2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Công ty không đủ số cổ đông tối thiểu là ba người trong thời gian sáu tháng liên tục;

1.4. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 64. Thanh lý công ty**

1. Ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý Công ty bao gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định trong số các nhân viên của Công ty hoặc người bên ngoài Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý phải chuẩn bị quy chế hoạt động của Ban.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm báo cáo đó, ban thanh lý sẽ thay mặt cho Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến việc thanh lý Công ty trước bên thứ ba, tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo trình tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý Công ty;

3.2. Tiền lương, chi phí bảo hiểm cho cán bộ và nhân viên của Công ty;

3.3. Các khoản thuế và phí mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

3.4. Các khoản nợ;

3.5. Các trách nhiệm khác của Công ty;

3.6. Khoản còn lại sau khi đã thanh toán các khoản theo quy định từ Điểm 3.1 đến Điểm 3.5 khoản 2 Điều này sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ.

#### **Điều 65. Phá sản**

Việc phá sản Công ty sẽ được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 66. Tổ chức lại Công ty**

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

#### **Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Bất kỳ điều khoản nào không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam và thông lệ quốc tế.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty

#### **Điều 68. Hiệu lực và chữ ký**

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Habeco - Hải Phòng thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018, thay thế cho điều lệ cũ đã được ban hành và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2017.

2. Điều lệ này gồm 06 chương, 68 điều, được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó: 06 bản đăng ký tại các cơ quan quản lý của Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, 04 lưu trữ tại Công ty.
3. Các bản trích, bản sao Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị và đóng dấu mới có giá trị.
4. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Trần Văn Trung*

